

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Bé

2. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trọng Th, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 239/6, ấp Th, xã Th, huyện C, tỉnh L (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Danh Út T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 239/6, ấp Th, xã Th, huyện C, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trọng Th trình bày:

Bà và ông Danh Út T chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện C, tỉnh L vào ngày 02/3/2011.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2022 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Danh Út T.

Về nuôi con chung: Bà và ông T có với nhau hai người con chung tên là Danh Ngọc Mỹ Q, sinh ngày 04/02/2009 và Danh Hoàng N, sinh ngày 06/8/2011 hiện nay hai con chung do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi con, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Danh Út T là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Trọng Th có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Danh Út T, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Danh Út T cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Danh Út T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trọng Th và ông Danh Út T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện C, tỉnh L theo giấy đăng ký kết hôn số 27/2011 ngày 02/3/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà Th, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên đã không còn tình cảm. Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện việc ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai đương sự không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Th yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

[3] Về nuôi con chung: Bà Th và ông T có hai người con chung tên là Danh Ngọc Mỹ Q, sinh ngày 04/02/2009 và Danh Hoàng N, sinh ngày 06/8/2011.

Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy, hiện tại hai con chung do bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của

con chung cũng như nguyện vọng của hai con chung mong muốn được sống cùng với mẹ. Do đó, cần giao hai con chung tên Danh Ngọc Mỹ Q và Danh Hoàng N cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Th yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi người con, cấp dưỡng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu của bà Th cũng như nhu cầu thiết yếu của hai con chung, đảm bảo cho trẻ phát triển lành mạnh, hài hòa về thể chất và tinh thần, đảm bảo được điều kiện được nuôi dưỡng và học tập. Do đó, cần buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi người con, cấp dưỡng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trọng Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Ông Danh Út T phải chịu 300.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Trọng Th và ông Danh Út T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Danh Ngọc Mỹ Q, sinh ngày 04/02/2009 và Danh Hoàng N, sinh ngày 06/8/2011 cho bà Nguyễn Thị Trọng Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Danh Út T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi người con, cấp dưỡng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trọng Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007910 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ông Danh Út T phải chịu 300.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Th, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy